

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT LUẬT THỐNG KÊ NĂM 2003
VÀ CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN**

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2013

LỜI MỞ ĐẦU

Luật Thống kê được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17/6/2003, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2004. Luật Thống kê là văn bản pháp lý chủ đạo, là nền tảng để hình thành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh toàn bộ lĩnh vực hoạt động thống kê ở nước ta.

Luật Thống kê ra đời khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của công tác thống kê, là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng, có vai trò cung cấp thông tin thống kê một cách trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài.

Kể từ khi có hiệu lực thi hành (năm 2004) đến nay, Luật Thống kê đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của ngành Thống kê, góp phần tích cực vào quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Những kết quả rất đáng ghi nhận mà ngành Thống kê Việt Nam đã đạt được trong thời gian qua khẳng định ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng đặc biệt của Luật Thống kê đối với quá trình đổi mới hệ thống Thống kê Việt Nam. Tuy nhiên, trong xu thế phát triển nhanh và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước, ngành Thống kê nói chung và Hệ thống thống kê nhà nước nói riêng cần phải tiếp tục hoàn thiện để tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế và phù hợp hơn với điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của đất nước, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và đẩy mạnh tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Đánh giá đúng tầm quan trọng của việc đổi mới khuôn khổ pháp lý về hoạt động thống kê, Chính phủ đã có chủ trương tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thống kê. Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê (ban hành kèm theo Quyết định số 312/2010/QĐ-TTg ngày 02/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ) đã đưa nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Thống kê là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thời gian sắp tới.

Để triển khai thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Luật Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiến hành đánh giá tổng kết Luật Thống kê qua 10 năm thực hiện với sự tham gia của các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị trong Hệ thống Thống kê Việt Nam cũng như các chuyên gia trong và ngoài nước.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tổng kết tình hình 10 năm thực thi Luật Thống kê và kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thống kê như sau:

PHẦN I

TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC THI LUẬT THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2004 - 2013

A. BỐI CẢNH THỰC THI LUẬT THỐNG KÊ

I. THUẬN LỢI

1. Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước tiếp tục phát triển, chính trị, an ninh, xã hội ổn định tạo tiền đề căn bản để hoạt động thống kê được phát triển.
2. Hội nhập quốc tế của đất nước ngày càng sâu rộng tạo điều kiện thuận lợi cho thống kê Việt Nam tăng cường và mở rộng hợp tác với cộng đồng thống kê thế giới.
3. Công tác thống kê và nghề thống kê ngày càng nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước và sự ủng hộ, hỗ trợ của cộng đồng xã hội.
4. Luật Thống kê được triển khai hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và có hiệu quả ngay sau khi được ban hành, bước đầu đi vào cuộc sống xã hội thuận lợi.

a. Ở Cơ quan Tổng cục Thống kê

Ngay sau khi Luật Thống kê và các văn bản liên quan được ban hành, Ban tuyên truyền, phổ biến Luật Thống kê và Nghị định số 40/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê đã được thành lập. Các hoạt động chủ yếu của Ban là viết bài đăng báo, tạp chí, trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương; tổ chức các buổi trình bày nội dung cơ bản của Luật Thống kê và các văn bản có liên quan tại nhiều Bộ, ngành và địa phương; biên soạn cuốn “Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành” bao gồm Luật Thống kê, Nghị định số 40/2004/NĐ-CP và 99 câu hỏi - đáp về Luật Thống kê, xuất bản tháng 02/2004 với số lượng phát hành trên 6 nghìn cuốn để phổ biến tới nhiều đối tượng trong nước và quốc tế, đồng thời dịch ra tiếng Anh Luật Thống kê.

b. Ở địa phương

Hoạt động tuyên truyền phổ biến Luật ở địa phương đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, sự chủ động tích cực của các Cục Thống kê (với tư cách là cơ quan giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thống kê tại địa phương) nên có nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Ngay sau khi có kế hoạch tuyên truyền và phổ biến Luật Thống kê của Tổng cục, đã có 27 Cục Thống kê thành lập Hội đồng tuyên truyền phổ biến của Cục và ban hành kế hoạch triển khai cụ thể trên địa bàn. Có 40 Cục Thống kê đã phối hợp với Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra Chỉ thị về việc triển khai thực hiện Luật Thống kê. 100% các Cục Thống kê đã tổ chức hội nghị tuyên truyền Luật đối với cán bộ, công chức trong ngành. Nhiều Cục

Thống kê đã đề nghị Ủy ban nhân dân tổ chức các hội nghị phổ biến về Luật Thống kê cho lãnh đạo Sở, ban, ngành, lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Kết hợp với các Sở, huyện tổ chức hội nghị phổ biến đến lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; lãnh đạo các doanh nghiệp; cán bộ kế toán - thống kê doanh nghiệp, cán bộ thống kê xã, phường, thị trấn.

Một số Cục Thống kê đã chủ động triển khai tuyên truyền Luật với quy mô lớn như: Hà Nội, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam, Vĩnh Long, Kiên Giang. Có Cục Thống kê đã tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Luật Thống kê do Công đoàn Cục đứng ra tổ chức như Kiên Giang. Một số Cục Thống kê đã phối hợp với cơ quan báo, đài địa phương để tuyên truyền Luật Thống kê rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn như: Bắc Ninh, Đồng Nai, Trà Vinh, Thái Bình.

c. Ở Bộ, ngành

Nhiều Bộ, ngành đã tích cực tổ chức các hội nghị phổ biến Luật Thống kê đối với các cán bộ thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách theo đúng kế hoạch đề ra: Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nội vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội... Điển hình có Bộ đã phối hợp chặt chẽ với báo cáo viên của Tổng cục Thống kê trong việc triển khai phổ biến Luật Thống kê với quy mô cả nước như: Bộ Giáo dục và Đào tạo mở 3 hội nghị với 3 khối, Bộ Y tế mở hội nghị 2 miền, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội làm trên phạm vi cả nước... Bên cạnh đó vẫn còn nhiều Bộ, ngành mặc dù có nhu cầu sử dụng số liệu thống kê rất lớn nhưng vẫn chưa triển khai công tác tuyên truyền Luật Thống kê, chưa quan tâm sâu sắc tới việc triển khai Luật Thống kê.

II. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

1. Nền kinh tế vẫn tiềm ẩn những biến động khó lường, nhu cầu thông tin thống kê phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nền kinh tế - xã hội của các cơ quan Đảng và Nhà nước ngày càng cao, nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các đối tượng dùng tin trong và ngoài nước ngày càng đa dạng; hệ thống thống kê Nhà nước tuy đổi mới những vẫn còn chậm, bất cập, nhất là bất cập về nguồn nhân lực. Các đặc điểm này tạo nên khó khăn, thách thức lớn đối với hệ thống thống kê nước ta.

2. Việc tuyên truyền, giáo dục Luật Thống kê chưa thường xuyên, liên tục nên nhận thức về pháp luật thống kê của một bộ phận doanh nghiệp và người dân còn nhiều hạn chế là khó khăn, thách thức lớn nhất trong việc thực thi Luật Thống kê.

Trong 3 năm 2003 - 2005, ngành Thống kê đã xây dựng được chương trình cụ thể, thiết thực và khả thi, góp phần đưa Luật Thống kê nhanh chóng đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, các hoạt động này những năm về sau và nhất là những năm gần đây chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục¹. Do đó, nhận thức về Luật Thống kê trong cộng đồng nói chung và trong cán bộ, công chức thống kê nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế. Không ít cán bộ, công chức ngay trong ngành Thống kê đến nay vẫn chưa nắm chắc nội dung của Luật Thống kê. Luật Thống kê có hiệu lực thi hành từ

¹ Trong chương trình công tác thống kê năm 2006 đề ra nhiệm vụ sơ kết 2 năm thực hiện Luật Thống kê, nhưng không thực hiện được.

01/01/2004 nhưng tình trạng chưa chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về điều tra thống kê, báo cáo thống kê, công bố và sử dụng thông tin thống kê vẫn còn diễn ra khá phổ biến.

B. TÌNH HÌNH THỰC THI LUẬT THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2004 - 2013

I. NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU

1. Khuôn khổ thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống thống kê Nhà nước từng bước được củng cố đồng bộ

a) Các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê đã được xây dựng và ban hành tương đối đồng bộ, kịp thời, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động thống kê.

* Trước khi Luật Thống kê ra đời, căn cứ pháp lý cho hoạt động thống kê ở nước ta còn rất thiếu:

- Căn cứ pháp lý cao nhất là Pháp lệnh Kế toán - Thống kê đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập.

- Mô hình của hệ thống thống kê tập trung (Tổng cục Thống kê) có những thay đổi:

+ Trước năm 1982: Tổng cục Thống kê thực hiện theo mô hình dọc.

+ Giai đoạn 1982-1995: Tổng cục Thống kê thực hiện theo mô hình ngang.

+ Giai đoạn 1995-2003: Tổng cục Thống kê thực hiện theo mô hình dọc.

Những thay đổi này tạo ra sự không ổn định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy, mặt khác còn gây biến động đội ngũ những người làm công tác thống kê và cơ sở vật chất kỹ thuật.

* Từ khi Luật Thống kê có hiệu lực, môi trường pháp lý trong quản lý nhà nước về công tác thống kê đã được hoàn thiện đồng bộ và kịp thời hơn, thể hiện bằng việc Chính phủ ban hành 2 văn bản quy phạm pháp luật quan trọng sau:

- Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê (sau đây gọi tắt là Nghị định 40/2004/NĐ-CP).

- Nghị định số 14/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê (sau đây gọi tắt là Nghị định 14/2005/NĐ-CP).

b) Hệ thống thống kê tập trung tiếp tục được hoàn thiện với mô hình dọc 3 cấp.

Thực hiện chương trình cải cách hành chính, Chính phủ ban hành Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 04/01/2007 chuyển Tổng cục Thống kê vào Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tiếp đó là Nghị định 93/2007/NĐ-CP ngày 04/6/2007 của Chính phủ và Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy vị trí pháp lý của Tổng cục Thống kê đã thay đổi từ cơ

quan trực thuộc Chính phủ sang cơ quan trực thuộc Bộ, song tổ chức của Tổng cục Thống kê vẫn duy trì theo mô hình dọc 3 cấp. Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg còn cho phép Tổng cục Thống kê được thành lập mới 3 Vụ: Vụ Thống kê Giá, Vụ Thống kê Vốn đầu tư và Xây dựng, Vụ Pháp chế, Tuyên truyền và Thi đua - Khen thưởng (nay là Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê và Thường trực Hội đồng thi đua - khen thưởng), chuyển một doanh nghiệp sang mô hình đơn vị sự nghiệp có thu và tăng cường vị trí pháp lý của cơ quan thống kê địa phương cấp huyện (thay thế tên gọi Phòng Thống kê cấp huyện thành Chi cục Thống kê cấp huyện).

c) Khuôn khổ thể chế về tổ chức của thống kê Bộ, ngành được củng cố một bước căn bản.

- Trong những năm qua, tổ chức thống kê Bộ, ngành tiếp tục được củng cố, hoàn thiện, cụ thể:

+ Một số Bộ, ngành đã củng cố tổ chức thống kê khá hoàn chỉnh. Bộ Tài chính có Trung tâm tin học và Thống kê; Kho bạc Nhà nước có Trung tâm tin học và Thống kê; Ủy ban chứng khoán Nhà nước có Trung tâm tin học và Thống kê; Tổng cục Hải quan có Cục Công nghệ thông tin và Thống kê. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có Cục Thống kê tội phạm, gồm 3 phòng: Phòng Thống kê tội phạm, Phòng Thống kê nghiệp vụ kiểm sát và Phòng Công nghệ thông tin. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Trung tâm tin học và Thống kê, trong đó có một phòng chuyên về thống kê...

+ Các Bộ, ngành có tổ chức thống kê cấp Phòng gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Phòng dự báo, thống kê tiền tệ hoạt động từ tháng 8 năm 2008); Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Công Thương...

+ Các Bộ, ngành có tổ chức bộ phận Thống kê trong Vụ gồm các Bộ: Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo...

- Trong bối cảnh tổ chức thống kê Bộ, ngành đang có sự khác biệt với nhiều loại mô hình tổ chức như trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 03/2010/NĐ-CP). Nghị định 03/2010/NĐ-CP là một căn cứ pháp lý quan trọng để tổ chức thống kê Bộ, ngành trong các nhiệm kỳ Chính phủ tới được củng cố, hoàn thiện.

d) Thống kê xã, phường, thị trấn

Trong bối cảnh cải cách hành chính và tinh giản biên chế diễn ra mạnh mẽ ở các cấp, đặc biệt là ở cấp xã, phường, thị trấn, song thống kê xã, phường, thị trấn vẫn được tăng cường với việc bố trí một nửa biên chế của số biên chế rất khiêm tốn của chính quyền cấp xã, phường, thị trấn - đó là chức danh công chức văn phòng - thống kê của UBND xã, phường, thị trấn. Một số địa phương có điều kiện cân đối nguồn ngân sách của địa phương đã bố trí hẳn một biên chế làm công tác chuyên trách thống kê như: Tiền Giang, Quảng Bình...

2. Khuôn khổ thể chế về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê từng bước được tăng cường và hoàn thiện ngày càng đồng bộ

a) Về các hệ thống chỉ tiêu thống kê

- Căn cứ vào Luật Thống kê, Cơ quan Thống kê Trung ương (Tổng cục Thống kê) đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24/11/2005 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia thay thế Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/11/2005. Hệ thống chỉ tiêu này gồm 21 lĩnh vực với 350 chỉ tiêu.

- Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, danh mục và nội dung hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, huyện, xã.

Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng quy định nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu, phân tổ chủ yếu của các chỉ tiêu thống kê. Nó thể hiện tính đồng bộ, công khai trong thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê từ Trung ương đến địa phương.

b) Về điều tra thống kê

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Đây là căn cứ pháp lý để dự toán kinh phí và thực hiện các cuộc điều tra có kế hoạch. Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg là căn cứ để Tổng cục Thống kê xây dựng Kế hoạch điều tra hàng năm.

Để triển khai đồng bộ với Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg, Tổng cục Thống kê đang tiến hành các thủ tục để sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia này.

- Thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các phương án điều tra thống kê của Bộ, ngành, địa phương trước khi Bộ trưởng, Thủ trưởng ngành, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố quyết định.

c) Về báo cáo thống kê

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (nay là Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 17/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành).

- Ngày 30/11/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg về việc ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Căn cứ vào Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 04/2011/TT-BKHĐT quy định biểu mẫu và nội dung biểu

mẫu của chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

d) Về các bảng phân loại thống kê

Căn cứ vào Luật Thống kê, Tổng cục Thống kê đã trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các bảng danh mục phục vụ cho công tác thống kê như:

- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Quyết định số 39/2010/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam bao gồm 7 cấp, từ cấp 1 đến cấp 7 và gồm 2.898 ngành sản phẩm;

- Thông tư số 19/2010/TT-BKH ngày 19/8/2010 quy định về nội dung Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

Ngoài ra, Tổng cục Thống kê còn trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các bảng danh mục khác như danh mục giáo dục đào tạo, danh mục nghề nghiệp...

3. Hiệu quả quản lý nhà nước của Tổng cục Thống kê đối với hoạt động thống kê ở nước ta ngày càng được nâng cao

Những năm vừa qua, công tác thanh tra thống kê đã và đang được thực hiện, ngày một đi vào nề nếp và phát huy tác dụng tích cực, góp phần quan trọng, thiết thực bảo đảm các chế độ báo cáo thống kê của nhà nước được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, chất lượng báo cáo thống kê ngày một tiến bộ, đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê ngày càng cao của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê nói chung và công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước nói riêng.

Nghị định số 14/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê (nay là Nghị định số 79/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê) đã phát huy tác dụng trong việc ngăn ngừa và xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê như: vi phạm về sử dụng mẫu biểu thống kê; ban hành, sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo thống kê; báo cáo sai và khai man số liệu thống kê; nộp báo cáo thống kê không kịp thời, đầy đủ... Thực hiện Nghị định 14/2005/NĐ-CP đã giúp cho nhiều tổ chức, cá nhân nhận thức được trách nhiệm cung cấp thông tin thống kê để phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội của đất nước góp phần nâng cao vị trí, vai trò của ngành Thống kê.

Theo số liệu của Thanh tra thống kê, trong giai đoạn 2005 - 2009, ngành Thống kê đã thực hiện 1.361 cuộc thanh tra, kiểm tra chấp hành Luật Thống kê; xử phạt vi phạm hành chính 186 đơn vị, cá nhân vi phạm; trong đó phạt cảnh cáo 71 đơn vị, cá nhân và phạt tiền 115 đơn vị, cá nhân với tổng số tiền là 214,10 triệu đồng. Các hành vi vi phạm Nghị định 14/2005/NĐ-CP bị xử phạt phổ biến là: nộp chậm và không nộp báo cáo thống kê (chiếm 80% số đơn vị bị xử phạt); tính và áp dụng sai phương pháp thống kê (chiếm 15% số đơn vị bị xử phạt), số còn lại là vi phạm về

việc sử dụng biểu mẫu thống kê, cung cấp không kịp thời thông tin thống kê, báo cáo sai sự thật...

4. Việc chấp hành các quy định của Luật Thống kê và các văn bản liên quan

a) Việc thực hiện các quy định về điều tra thống kê

Thống kê địa phương đã chủ động tham mưu với UBND tỉnh, thành phố trong việc triển khai các cuộc Tổng điều tra thống kê cũng như các cuộc điều tra trong và ngoài chương trình điều tra thống kê. Hầu hết các cuộc điều tra thống kê diễn ra tại địa phương đều tuân thủ đúng phương án điều tra. Công tác triển khai, tập huấn nghiệp vụ điều tra được thực hiện tại tất cả các Cục thống kê; khâu điều tra trực tiếp tại địa bàn đều được các điều tra viên thực hiện khá nghiêm túc; công tác chỉ đạo, giám sát, nghiệm thu tài liệu được coi trọng đúng mức; phương pháp tính, tổng hợp, suy rộng theo phương án quy định; số lượng biểu mẫu tổng hợp đầy đủ và bảo đảm thời gian.

Tuy nhiên vẫn có một số hạn chế, tồn tại như: tập huấn điều tra không đạt yêu cầu, điều tra viên không tuân thủ quy trình điều tra, khâu giám sát, kiểm tra việc thực hiện phương án điều tra chưa chặt chẽ và chưa được chú trọng, đối tượng điều tra không hợp tác, trì hoãn trong việc cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin chưa sát với thực tế.

Triển khai xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia dài hạn và hàng năm, các Bộ, ngành đã tích cực tham gia nghiên cứu, chủ động đề xuất các cuộc điều tra cho Bộ, ngành. Chương trình điều tra thống kê quốc gia là căn cứ để các Bộ, ngành chủ động xây dựng kế hoạch các cuộc điều tra, xây dựng phương án điều tra, kế hoạch thực hiện, dự toán kinh phí và quyết định các cuộc điều tra thống kê, tạo sự ổn định cho hoạt động thống kê. Nhờ có chương trình điều tra thống kê quốc gia đã hạn chế phần nào hiện tượng trùng chéo các cuộc điều tra giữa các Bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương, tiết kiệm kinh phí cho Nhà nước, giúp việc thẩm định các phương án điều tra thống kê của Tổng cục Thống kê có hiệu quả.

b) Việc thực hiện các quy định về chế độ báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê cơ sở ban hành cho các ngành kinh tế đã quá lâu (từ những năm 2002, 2003), còn nhiều bất cập, khép khiêng, chưa đồng bộ, chậm cải tiến, không đáp ứng thực tế. Chế độ báo cáo thống kê đối với khu vực hành chính các cấp, các đơn vị sự nghiệp không đồng bộ, thiếu thống nhất cả về nội dung báo cáo, chỉ tiêu thống kê, biểu mẫu và phương pháp thống kê. Chế độ báo cáo thống kê các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kho bạc, bảo hiểm, thể dục thể thao, tư pháp, toà án, kiểm sát... không được ban hành kịp thời, thiếu cơ sở pháp lý về thống kê cho những đối tượng này.

Chế độ báo cáo thống kê đối với các cơ quan, ban, ngành ở địa phương được thực hiện theo sự chỉ đạo của các Bộ, ngành ở Trung ương. Định kỳ hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và năm các Sở, ban, ngành báo cáo tình hình hoạt động cho UBND tỉnh, thành phố, phục vụ cho việc đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và một số báo cáo đột xuất khác khi có yêu cầu. Do số liệu phục vụ cho các chế độ báo cáo thống kê tổng hợp các Cục Thống kê thường tổng hợp từ các Phòng Thống kê và từ các Sở, ban, ngành nên đôi khi không có sự thống nhất với các số liệu

của các Sở, ban, ngành. Một trong những nguyên nhân là do kỳ hạn báo cáo số liệu khác nhau nên số liệu báo cáo về cùng hiện tượng cũng có sự khác nhau. Nguyên nhân thứ hai là do các Sở, ban, ngành lại thu thập số liệu theo hệ thống riêng nên nhiều khi không thống nhất với các phòng Thống kê. Cán bộ công tác thống kê ở các Sở, ban, ngành còn thiếu và yếu về chuyên môn nghiệp vụ thống kê dẫn đến chất lượng số liệu chưa thực sự tốt. Ngoài ra, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê được chia thành các mảng nghiệp vụ riêng, một chế độ bao gồm nhiều bảng biểu nên khối lượng công việc thực hiện tại Cục Thống kê rất lớn, trong khi Cục Thống kê còn phải làm thêm nhiều công việc khác như tiến hành các cuộc điều tra, các loại báo cáo khác nên cũng ảnh hưởng tới chất lượng của chế độ báo cáo thống kê. Sự chòng chẹo về chỉ tiêu giữa cuộc điều tra và chế độ báo cáo cũng làm ảnh hưởng tới chất lượng của chế độ báo cáo, gây nặng nề cho các Cục Thống kê và các đối tượng cung cấp thông tin. Một số Cục Thống kê cũng đã diễn ra hiện tượng lấy số liệu của các cuộc điều tra để báo cáo cho các chế độ báo cáo thống kê.

Nhìn chung, tình hình chấp hành chế độ báo cáo của các cơ quan, ban, ngành cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra. Đa số các cơ quan, đơn vị thực hiện khá tốt và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện báo cáo. Tuy nhiên, trong thực hiện chế độ báo cáo thống kê, các cơ quan, đơn vị chưa nhận thức rõ tầm quan trọng trong việc thực hiện báo cáo nên việc báo cáo còn chưa đầy đủ, hoặc chưa thật sự phối hợp, vẫn có tình trạng ngành thống kê phải “đi xin số liệu”.

c) Việc thực hiện các quy định về bảng phân loại thống kê

Việc thực hiện bảng phân ngành kinh tế quốc dân, danh mục đơn vị hành chính, danh mục nghề nghiệp, danh mục giáo dục đào tạo... đã được chấp hành nghiêm chỉnh theo quy định, các bảng phân loại có thay thế, bổ sung được ngành thống kê cập nhật kịp thời.

Các Bộ, ngành khi xây dựng và ban hành các bảng phân loại, danh mục thuộc Bộ, ngành phụ trách đã tuân thủ theo các quy định của Luật Thống kê, phối hợp với Tổng cục Thống kê trong việc xây dựng và thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ trước khi ban hành.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các bảng phân loại, danh mục vẫn còn nhiều sai sót, chưa kịp thời dẫn đến sự không thống nhất, chẳng hạn việc chuyển đổi Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 1993 sang Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2007 chưa kịp thời, tên gọi một số ngành kinh tế chưa được Việt hoá, chưa phổ biến nên gây không ít khó khăn cho việc phân ngành và đánh mã ngành kinh tế....

d) Việc thực hiện các quy định về công bố và sử dụng thông tin thống kê

Công tác phổ biến thông tin thống kê trong những năm vừa qua nhìn chung được tăng cường cả trên phạm vi Tổng cục Thống kê cũng như ở các Cục Thống kê và thống kê các Bộ, ngành. Do vậy đối tượng sử dụng thông tin đã được mở rộng hơn, lượng thông tin phổ biến tới các đối tượng cũng nhiều hơn. Ngoài việc phổ biến dưới hình thức in và phát hành ấn phẩm theo cách làm truyền thống, những năm gần đây các sản phẩm thông tin như báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, niên giám thống kê hàng năm, kết quả các cuộc điều tra, các sản phẩm phân tích thống kê

còn được in và phát hành qua đĩa CD - ROM hoặc đưa trên website và internet. Các hoạt động phổ biến thông tin thống kê khác như hợp báo công bố số liệu 6 tháng và cả năm, in và phát hành tờ gấp số liệu hàng quý, ra thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng tiếp tục được duy trì. Hàng năm Tổng cục Thống kê đều xuất bản và phát hành cuốn “Giới thiệu một số sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu” phục vụ các đối tượng dùng tin tra cứu để thu thập thông tin thống kê.

Việc sử dụng thông tin thống kê được bảo đảm thống nhất chung toàn ngành thống kê, không còn tình trạng sử dụng số liệu không chính thống. Những thông tin thống kê của tổ chức, cá nhân cung cấp cho ngành thống kê khi tiến hành tổ chức cuộc Tổng điều tra, điều tra, đặc biệt là những thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, thông tin cá nhân..., được bảo mật theo đúng quy định của Luật Thống kê năm 2003.

Tuy nhiên, việc công bố và sử dụng thông tin thống kê vẫn còn một số mặt hạn chế, tồn tại như:

- Chưa tạo lập được hệ thống thông tin thống kê quốc gia đồng bộ và hiệu quả.
- Số lượng và chất lượng thông tin còn nhiều hạn chế, đối tượng sử dụng thông tin còn hạn hẹp.
- Chính sách và cơ chế phổ biến thông tin chậm được ban hành.

e. Việc gửi báo cáo tài chính của các doanh nghiệp

Nhìn chung, các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp đã chấp hành đúng quy định của Luật Thống kê năm 2003 và quy định của chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên, việc thực hiện các quy định trên không ít cơ quan, đơn vị thực hiện chưa tốt, chưa hiểu rõ (không tự giác, báo cáo thiếu, số liệu mâu thuẫn, độ chính xác chưa cao, báo cáo chậm, không báo cáo...).

PHẦN II

ƯU ĐIỂM VÀ HẠN CHẾ, TỒN TẠI CỦA LUẬT THỐNG KÊ

I. ƯU ĐIỂM

1. Về hình thức thể hiện

- Luật Thống kê có sự phù hợp giữa nội dung với hình thức của văn bản.
- Luật Thống kê đảm bảo mức độ đầy đủ, chặt chẽ của quy trình ban hành văn bản như: thẩm quyền ban hành, quá trình soạn thảo, thông qua; kết cấu của văn bản; tính chặt chẽ, lôgic, tính chính xác của các thuật ngữ pháp lý được sử dụng, sự trong sáng của lời văn, mức độ phù hợp với khả năng nhận thức, ý thức pháp luật hiện có của đa số quần chúng nhân dân.

2. Về nội dung

- Luật Thống kê được cấu trúc chặt chẽ, logic, khoa học, có chương, phần, điều, khoản phù hợp tạo thành hệ thống thống nhất. Trong văn bản, mỗi quy định, chương, phần... cũng có cấu trúc thích hợp. Giữa các bộ phận, các quy định của văn bản luôn có mối liên hệ chặt chẽ, thống nhất nội tại với nhau.

- Luật Thống kê được ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp (không trái với các quy định của Hiến pháp và pháp luật), tính đồng bộ (không chồng chéo, mâu thuẫn, luôn bảo đảm sự thống nhất giữa các quy phạm pháp luật (QPPL) trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và tính thứ bậc, thống nhất giữa VBQPPL với các VBQPPL khác trong hệ thống pháp luật hiện hành, tính toàn diện (có đầy đủ các quy định cần thiết), tính phù hợp (phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, với các công cụ điều chỉnh khác, với pháp luật quốc tế, với cơ chế thực thi pháp luật hiện hành...) và trình độ kỹ thuật pháp lý cao.

- Kỹ thuật pháp lý được sử dụng trong các VBQPPL thống kê thể hiện sự rõ ràng, chính xác, chặt chẽ của các thuật ngữ, khái niệm được sử dụng trong văn bản và tính minh bạch của VBQPPL.

- Nội dung của Luật Thống kê bảo đảm sự phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội của Việt Nam. Khi ban hành nội dung phản ánh đúng các quy luật kinh tế, những điều kiện kinh tế đặc thù của Việt Nam trong hoạt động thống kê; bảo đảm tính hợp lý trong việc tổ chức cũng như trong hoạt động của công tác thống kê... trên phạm vi cả nước, từng địa phương và mỗi cộng đồng; phù hợp với nhu cầu thực tiễn của đất nước; phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế (các công ước, điều ước và thông lệ quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia); đưa ra được phương án tốt nhất cho tổ chức, hoạt động của công tác thống kê thông qua đó có thể đạt được mục đích mong muốn trong những điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại của đất nước.

II. HẠN CHẾ VÀ TỒN TẠI

1. Những văn bản thực hiện dưới Luật được ban hành thường chậm so với yêu cầu và thiếu đồng bộ

- Luật Thống kê được Quốc hội thông qua từ tháng 6/2003 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2004, Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê được ban hành vào tháng 02/2004 nhưng mãi đến 24/11/2005 mới ban hành được Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg.

- Sau gần 5 năm đến tháng 8/2008 mới ban hành được chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành theo Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Và đến tháng 10/2008 mới ban hành được chương trình điều tra thống kê quốc gia theo Quyết định 144/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (chủ yếu mới liệt kê, hệ thống lại các cuộc điều tra thống kê).

- Các loại văn bản dưới Luật nhìn chung đều chậm so với yêu cầu. Tuy nhiên thời gian chậm có ở các mức độ khác nhau.

2. Nội dung của Luật có những điểm chưa thật phù hợp

(1) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng còn hạn hẹp

Luật Thống kê năm 2003 điều chỉnh hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê, hệ thống tổ chức thống kê nhà nước và điều tra thống kê của tổ chức, cá nhân ngoài Hệ thống thống kê nhà nước. Tuy nhiên, vấn đề này chỉ quy định tại một điều (Điều 24) trong Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê. Mặt khác, qua 10 năm triển khai thực hiện Luật Thống kê năm 2003 những vấn đề liên quan đến hoạt động thống kê không chính thức không có vướng mắc hay tranh chấp. Trên thực tế hoạt động thống kê không chính thức gần như không có và rất khó thực hiện. Qua tham khảo các Luật thống kê trên thế giới, đa số các nước cũng chỉ quy định thống kê chính thức.

(2) Thiếu quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã; các hình thức thu thập thông tin thống kê; sử dụng thông tin thống kê; phổ biến thông tin thống kê; cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia, hợp tác quốc tế về thống kê.

(3) Thẩm quyền công bố thông tin thống kê mới chỉ giới hạn đối với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chưa quy định đối với các hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành và hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.

(4) Quy định về ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông chưa tương xứng với vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nó trong hoạt động thống kê.

(5) Quy định về bảng phân loại thống kê chưa đầy đủ.

Các bảng phân loại thống kê có tầm quan trọng cho việc sử dụng thống nhất trong hoạt động thống kê. Trong khi phương án điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê hay hệ thống chỉ tiêu thống kê do các Bộ, ngành ban hành đều được Luật Thống kê hay văn bản dưới Luật quy định về thẩm quyền của Tổng cục Thống kê trong việc thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê. Tuy nhiên, đối với các bảng phân loại thống kê do các Bộ, ngành ban hành lại chưa quy định về vấn đề này.

3. Một số điều khoản không phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn và môi trường pháp lý chung ở nước ta hiện nay

Do tình hình kinh tế - xã hội của đất nước biến động nhanh, phát sinh nhiều vấn đề mới, một số loại hình xuất hiện như: Tập đoàn kinh tế, công ty mẹ - con nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, hay trang trại, tổ sản xuất... là đối tượng mà ngành Thống kê cần phải thu thập thông tin nhằm bảo đảm nhu cầu quản lý kịp thời của Đảng, Chính phủ và nhà nước. Điều 2 Luật Thống kê còn thiếu những đối tượng này.

- Khoản 2 Điều 29 quy định: “Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của hệ thống thống kê tập trung”. Điều này có nghĩa là văn bản quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê được quy định bằng Nghị định của Chính phủ. Trong khi đó Nghị định 178/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ đã quy định các Tổng cục do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Kết quả là ngày 24/8/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định 40/2003/NĐ-CP quy định “Thủ trưởng cơ quan Thống kê Trung ương công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia”, nhưng Nghị định số 93, khoản 19, Điều 2 quy định “Tổng cục Thống kê giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất quản lý công bố thông tin kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật”.

- Khoản 2 Điều 35 quy định: “Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc nội dung quản lý nhà nước về thống kê theo quy định của Chính phủ”. Điều này chỉ còn đúng khi Tổng cục Thống kê trực thuộc Chính phủ.

- Nhiều quy định về thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê, đặc biệt quy định về thẩm quyền của Chính phủ cần được điều chỉnh lại giao cho Thủ tướng Chính phủ để phù hợp với điều kiện thực tiễn và vị trí pháp lý của Tổng cục Thống kê, đó là:

+ Khoản 1 Điều 1: “Việc điều tra thống kê của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước do Chính phủ quy định”.

+ Khoản 2 Điều 9: “Chính phủ quy định thẩm quyền ban hành các bảng phân loại thống kê”.

+ Khoản 2 Điều 11: “Chính phủ quy định việc tiến hành các cuộc điều tra ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia”.

+ Khoản 1 Điều 24: “Chính phủ quy định cụ thể về thời hạn, phương tiện và phạm vi công bố thông tin thống kê”.

- Nội dung về thẩm quyền quyết định điều tra cần phải quy định rõ hơn: Khoản 3 Điều 13 quy định: “Người quyết định điều tra thống kê quyết định phương án điều tra...”. Nội dung này chỉ phù hợp với các cuộc điều tra thống kê thông thường, nhưng

trên thực tế đối với các cuộc Tổng điều tra thống kê do Thủ tướng quyết định thì phương án điều tra lại do Bộ trưởng quyết định phương án như Tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn....

- Sự chênh lệch số liệu giữa các tỉnh và Tổng cục Thống kê về một số chỉ tiêu như GDP,... vẫn còn là phổ biến. Sự chênh lệch đó bắt nguồn từ đâu và thuộc trách nhiệm của ai thì chưa được làm rõ; xử lý ai, xử lý như thế nào thì cũng chưa làm bao giờ và không biết làm thế nào. Rõ ràng Luật quy định còn kém hiệu lực, chưa có ý nghĩa thực tế.

- Khoản 1 Điều 11, Nghị định số 40/2003/NĐ-CP quy định “Cơ quan thống kê Trung ương có trách nhiệm thẩm định phương án điều tra thống kê của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Điều 13 Luật Thống kê, bảo đảm tính thống nhất, không trùng lặp trong điều tra thống kê”. Thực tế đã có một số Bộ, ngành ở Trung ương và địa phương thực hiện khá nghiêm chỉnh về yêu cầu thẩm định này và quá trình thẩm định cũng đạt những kết quả nhất định, phát hiện những điều chưa hợp lý và kịp thời góp ý vào phương án điều tra của Bộ, ngành và địa phương. Tuy nhiên, việc thẩm định phương án điều tra thống kê làm chưa toàn diện mới chỉ thực hiện đối với một số cuộc điều tra lớn và nhiều khi chỉ làm chiếu lệ cho xong, kém hiệu quả vì nội dung phương án điều tra thường rất phức tạp liên quan nhiều đến kỹ thuật điều tra và thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, đòi hỏi cả phía chuẩn bị phương án lẫn phía thẩm định phải nắm vững kỹ thuật và phương án điều tra, am hiểu sâu sắc về thực tế. Tình trạng chung hiện nay là ở các Bộ, ngành rất thiếu cán bộ có khả năng về điều tra thống kê, còn cơ quan thẩm định việc quy định thời gian thẩm định 15 ngày là rất ngắn.

4. Những quy định còn chồng chéo

- Khoản 4 Điều 35 quy định: “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về thống kê tại địa phương”. Trong khi đó cũng theo Khoản 2 Điều 29 quy định: “Hệ thống tổ chức thống kê tập trung được tổ chức theo ngành dọc gồm Cơ quan Thống kê Trung ương và các cơ quan thống kê địa phương” và Khoản 2 Điều 35 quy định: “Tổng cục Thống kê giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc nội dung quản lý nhà nước về thống kê theo quy định của Chính phủ”. Như vậy, để Tổng cục Thống kê thực hiện nhiệm vụ nêu trên, các cơ quan thống kê địa phương sẽ phải thực hiện chức năng giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quản lý nhà nước về công tác thống kê trên địa bàn và điều này dẫn đến cùng một nhiệm vụ quản lý nhà nước về thống kê trên địa bàn sẽ có 2 cơ quan thực hiện.

- Khoản 1 Điều 14 quy định: “Kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra”. Quy định như vậy có hai hạn chế. Thứ nhất, không nêu rõ là điều tra thống kê loại gì vì tại Điều 11 quy định có điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia và điều tra thống kê không thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Thứ hai, không phù hợp với thực tế vì có một số cuộc điều tra thống kê, đặc biệt là các cuộc điều tra thống

kê không thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia, do Tổng cục Thống kê thực hiện trong những năm qua được thực hiện dưới sự tài trợ của các tổ chức quốc tế. Ngay cả điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia như Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cũng sử dụng một phần đáng kể kinh phí do UNFPA tài trợ.

5. Một số nội dung còn chung chung

- Khoản 1 Điều 25 Chương IV Luật Thống kê quy định về thẩm quyền công bố thông tin thống kê “Thủ trưởng cơ quan thống kê Trung ương công bố thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia”. Trên thực tế một số chỉ tiêu thống kê chủ yếu như GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, tốc độ tăng trưởng... thuộc phạm vi các tỉnh quản lý thì họ vẫn công bố. Nếu để Tổng cục Thống kê công bố hoặc chờ Tổng cục Thống kê thẩm định rồi mới công bố thì sẽ rất chậm không kịp thời gian, hơn nữa số liệu này Tổng cục Thống kê tính toán công bố khác nhiều so với tỉnh, thành phố công bố.

- Tại Chương V về tổ chức thống kê, Luật quy định về Thống kê xã, phường, thị trấn tại Điều 31 như sau: “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của xã, phường, thị trấn; thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của nhà nước”. Quy định này không rõ ở 2 điểm quan trọng: thứ nhất, không nêu rõ thống kê xã, phường, thị trấn là tổ chức hay là nhiệm vụ; thứ hai, không nêu rõ thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước là cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê loại nào hay mọi loại điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của nhà nước.

6. Có nội dung quy định về lĩnh vực hoạt động chưa được quy định xứng đáng với tầm quan trọng của lĩnh vực hoạt động đó

- Cơ sở dữ liệu thống kê có vị trí quan trọng trong hoạt động thống kê. Điều này trở nên quan trọng hơn khi công nghệ thông tin và truyền thông ngày càng có vị trí trụ cột trong hoạt động thống kê. Tuy nhiên, Luật Thống kê chỉ nêu một điều là Điều 23 quy định về quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê và đặt trong “Mục 3. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp”.

- Trong điều kiện sau khi Luật được ban hành và có hiệu lực, Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Chính phủ nhưng từ năm 2007 đến nay là cơ quan thuộc Bộ, Tổng cục Thống kê không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc thực hiện, hoàn thiện, triển khai các văn bản dưới Luật lại càng khó khăn.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ, TỒN TẠI

1. Những hạn chế, bất cập nêu trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do việc đổi mới công tác thống kê thiếu đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho các hoạt động thống kê chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Quá trình đổi mới công tác thống kê chưa được tiến hành đồng bộ ở tất cả các khâu thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích, phổ biến và lưu giữ thông tin thống kê; hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng số liệu chưa được xây dựng và ban hành; công

tác phân tích và dự báo thống kê phát triển chậm; chưa tạo lập sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên về trao đổi và chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thống kê tập trung với thống kê Bộ, ngành Trung ương và thống kê Sở, ngành, địa phương. Việc thu thập và phổ biến thông tin thống kê trong thời gian qua vừa thiếu, vừa chông chéo, trong một số trường hợp còn chưa thống nhất về số liệu. Người sử dụng thông tin thống kê khó tiếp cận với cơ sở dữ liệu ban đầu của các cuộc điều tra, Tổng điều tra thống kê và cơ sở dữ liệu hồ sơ đăng ký hành chính.

2. Thống kê là một lĩnh vực chuyên ngành nhưng có quan hệ với hầu hết mọi ngành, lĩnh vực, có quy trình hoạt động gồm nhiều khâu và nhiều công đoạn. Luật Thống kê điều chỉnh các đối tượng rộng lớn và quy định nhiều vấn đề chủ yếu, phức tạp; do đó còn một số nội dung Luật chưa lường hết được, còn chung chung, chông chéo hoặc chưa đúng tầm quan trọng của lĩnh vực điều chỉnh. Luật quy định quá chung chung, Nghị định lại quá tập trung, nên trong thực tế còn lúng túng, chưa rõ ràng.

- Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã được Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, nhưng việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt vẫn chưa thường xuyên. Nhận thức về Luật Thống kê trong cộng đồng còn có hạn chế nên thực hiện chưa nghiêm chỉnh cũng đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng và tính pháp lý của thông tin thống kê.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia xây dựng và ban hành năm 2005, nhưng thiếu thông tin đầu vào nên trong tổng số 274 chỉ tiêu, đến nay vẫn còn 85 chỉ tiêu chưa thực hiện được. Hầu hết các Bộ, ngành chưa xây dựng và ban hành được Hệ thống chỉ tiêu thống kê chuyên ngành của Bộ, ngành để đáp ứng yêu cầu quản lý của Bộ, ngành và yêu cầu tổng hợp chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) theo Luật Thống kê quy định. Hơn nữa, Luật Thống kê có hiệu lực từ 01/01/2004, nhưng hệ thống chỉ tiêu thống kê mãi đến cuối năm 2005 mới được ban hành; Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành triển khai thực hiện chưa được bao nhiêu, khi nội dung, phương pháp tính các chỉ tiêu cũng chưa được chuẩn hoá và đến năm 2010 lại thay thế hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới. Sau gần 5 năm, đến tháng 8/2008 mới ban hành được Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành và đến tháng 10/2008 mới ban hành được Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Mặt khác: hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã được nghiên cứu khá sớm, nhưng còn chậm ban hành so với lộ trình; nhiều bảng phân loại thống kê quan trọng như loại hình kinh tế, danh mục dân tộc, danh mục đơn vị kinh tế, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, danh mục sản phẩm hàng hoá, danh mục nghề nghiệp vẫn chưa được cải tiến ban hành mới. Một số bảng phân loại thống kê đã được ban hành (phân ngành kinh tế, danh mục giáo dục đào tạo) nhưng việc hướng dẫn chuyển đổi số liệu chưa được triển khai.

- Còn có sự trùng lặp, chông chéo giữa điều tra và báo cáo thống kê (nhất là đối với doanh nghiệp nhà nước), giữa các cuộc điều tra thống kê với nhau.

3. Trong chương trình cải cách hành chính, mô hình tổ chức của các Tổng cục trực thuộc Chính phủ chuyển sang trực thuộc Bộ, trong đó có Tổng cục Thống kê, do đó vị trí pháp lý của Tổng cục Thống kê thay đổi nhưng Luật Thống kê không tính đến những yếu tố này.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

I. HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CHO CÔNG TÁC THỐNG KÊ

Để hoàn thiện môi trường pháp lý cho công tác thống kê, trong thời gian tới ngành Thống kê phải tiến hành một số công việc chủ yếu liên quan đến lĩnh vực này như sau:

1. Cải tiến các chế độ báo cáo thống kê cho phù hợp với những quy định mới;
2. Hoàn thiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia và xây dựng chương trình điều tra thống kê hàng năm theo Luật định;
3. Xây dựng mới và sửa đổi bổ sung các bảng phân loại thống kê cho phù hợp với điều kiện thực tế;
4. Xây dựng quy chế Cộng tác viên thống kê trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tạo khung pháp lý cho việc xây dựng đội ngũ cộng tác viên thống kê có trình độ và kinh nghiệm hỗ trợ ngành Thống kê triển khai các hoạt động thường xuyên và đột xuất;
5. Trình Quốc hội ban hành Luật Thống kê (sửa đổi).

II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT THỐNG KÊ VÀ CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN

Qua thực tế triển khai thi hành các quy định của Luật Thống kê, Nghị định 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và các văn bản liên quan, Tổng cục Thống kê đề xuất cụ thể một số nội dung của Luật Thống kê như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định rõ phạm vi điều chỉnh cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế;
- Đối tượng áp dụng bổ sung thêm các đối tượng mới như: tập đoàn kinh tế, các cơ sở kinh tế là chi nhánh của doanh nghiệp, các trang trại, tổ sản xuất...

2. Giải thích từ ngữ

- a. Hoạt động thống kê: cần nêu cụ thể hơn là những hoạt động gì.
- b. Thông tin thống kê: cần mở rộng khái niệm: là sản phẩm thống kê và việc truyền đưa sản phẩm đó. Sản phẩm thống kê bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó.
- c. Chỉ tiêu thống kê
 - Mở rộng nội dung phản ánh của chỉ tiêu: tức là bổ sung thêm nội dung “mức độ đại diện”, mối liên hệ tương quan.

- Mở rộng đối tượng phản ánh: không chỉ là hiện tượng kinh tế - xã hội, mà còn gồm cả môi trường, tự nhiên,...

d. Bổ sung các từ ngữ:

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành;
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh;
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện;
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã;
- Hoạt động thống kê chính thức;
- Dữ liệu thống kê;
- Thông tin thống kê chính thức;
- Phân loại thống kê;
- Dữ liệu hành chính;
- Cơ sở dữ liệu thống kê;
- Cơ quan thống kê địa phương;
- Hộ dân cư.

3. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê

Nên quy định lại cho ngắn gọn, phù hợp với tình hình thực tế.

4. Các hành vi nghiêm cấm

Bổ sung hành vi nghiêm cấm:

- Cố ý thực hiện sai các quy định trong phương án điều tra thống kê để phục vụ mục đích giấu diếm, thành tích.

- Không thực hiện, cản trở việc thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc cung cấp thông tin theo phương án điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

- Tiễn hành hoạt động thống kê làm phương hại đến lợi ích quốc gia; sử dụng, công bố và phổ biến thông tin thống kê do tổ chức, cá nhân thống kê ngoài Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước tạo ra để thay thế thông tin Thống kê chính thức do cấp có thẩm quyền đã công bố.

5. Bổ sung điều quy định “Kinh phí cho hoạt động thống kê”

Luật Thống kê năm 2003 quy định nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện các cuộc điều tra theo quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra. Hoạt động thống kê là hoạt động có tính chất đặc thù, khó khăn, phức tạp không chỉ đơn thuần là hoạt động điều tra thống kê mà còn bao gồm rất nhiều hoạt động khác. Trong những năm qua, Nhà nước đã quan tâm đầu tư cho công tác thống kê các nguồn lực tài chính một cách đáng kể. Tuy nhiên, hiện nay hoạt động của hệ thống thống kê tập trung và thống kê Bộ, ngành thực hiện bị hạn chế về cơ sở vật chất, nguồn lực bảo đảm, đặc biệt là các

cuộc điều tra thống kê bị hạn chế về kinh phí cho nên đã tác động không nhỏ đến quy mô mẫu, ước tính và phổ biến kết quả thông tin thống kê.

6. Bổ sung nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Bao gồm: căn cứ xây dựng, khái niệm nội dung, trách nhiệm của Cơ quan Thống kê Trung ương trong việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

7. Bổ sung quyền và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành điều tra thống kê và người thực hiện điều tra thống kê

- Đối với cơ quan tiến hành điều tra thống kê: cần bổ sung việc xây dựng phương án điều tra thống kê.

- Đối với cơ quan tiến hành điều tra và người thực hiện điều tra thống kê: bổ sung thêm nội dung kịp thời hay đúng hạn (gồm cả triển khai, thực hiện kịp thời, nộp phiếu kịp thời, tổng hợp kịp thời và công bố kịp thời).

8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê

Bổ sung thêm một khoản với nội dung “không được từ chối, cản trở điều tra thống kê”.

9. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp

Bổ sung thêm đối tượng áp dụng cho cụ thể.

10. Bổ sung quy định “Thẩm định chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp”

Việc thẩm định của Tổng cục Thống kê cần tách thành một điều riêng.

11. Bổ sung quy định về “Dữ liệu hành chính cho mục đích thống kê”

Mục này bổ sung quy định mới về hình thức thu thập thông tin thống kê qua cơ sở dữ liệu hành chính và cơ sở dữ liệu đăng ký hành chính.

12. Bổ sung quy định về “Phân tích và dự báo thống kê”

Phân tích thống kê là hoạt động làm cho “con số thống kê biết nói” về các đặc trưng của bộ phận hoặc tổng thể hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội, sự thay đổi, xu hướng thay đổi và các tác nhân ảnh hưởng, tác động qua lại cũng như vai trò của từng tác nhân dẫn đến sự thay đổi của hiện tượng, quá trình qua thời gian và không gian, qua đó dự báo được xu hướng phát triển và đề xuất các giải pháp hữu hiệu.

Tuy nhiên, thực tế của hoạt động thống kê cho thấy, công tác phân tích và dự báo thống kê còn yếu, chưa thật sự được quan tâm và phát triển so với các nước trên thế giới.

13. Bổ sung quy định về “Trách nhiệm của Bộ, ngành về số liệu thống kê thu thập, tổng hợp được phân công trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia”

Quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ, ngành chịu trách nhiệm về số liệu thống kê của Bộ, ngành thu thập được phân công trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

14. Bổ sung quy định về “Thẩm định số liệu thống kê của Bộ, ngành”

Bổ sung các quy định về hồ sơ thẩm định, nội dung thẩm định, thời hạn thẩm định,... số liệu thống kê của Bộ, ngành đối với Cơ quan thống kê Trung ương.

15. Bổ sung quy định về “Lịch công bố thông tin thống kê”

Luật Thống kê năm 2003 chưa quy định về lịch công bố thông tin thống kê. Lịch công bố thông tin thống kê là căn cứ để tiến hành hoạt động thống kê chính thức và giúp cho tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê chính thức chủ động tiếp cận, sử dụng.

16. Bổ sung quy định về “Phổ biến thông tin thống kê”

Hoạt động phổ biến thông tin thống kê chính thức là cầu nối giữa cơ quan thống kê với người sử dụng thông tin thống kê.

Mục đích của hoạt động này nhằm bảo đảm cho mọi đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin thống kê đều có điều kiện được tiếp cận và sử dụng tối đa những thông tin thống kê hiện có; nâng cao giá trị và tính hiệu quả của thông tin thống kê.

17. Công bố thông tin thống kê

Cần nói rõ hơn nội dung: công bố thông tin, thẩm quyền và trách nhiệm công bố thông tin thống kê.

Cần quy định rõ thẩm quyền theo cấp của thông tin (cơ sở, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, cấp Bộ, ngành, cấp quốc gia) tập trung kết hợp với phân tán, tránh tập trung quá mức.

18. Sử dụng thông tin thống kê

Bổ sung thêm: (1) các tổ chức cá nhân được bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng thông tin thống kê đã được công bố - như nguyên tắc cơ bản của Luật Thống kê, theo yêu cầu của một xã hội dân chủ. (2) Tổ chức thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin thống kê đã được công bố.

19. Bảo mật thông tin thống kê

Bổ sung thêm nội dung mới về bảo mật thông tin thống kê “Thông tin thống kê chưa được người có thẩm quyền công bố” và quy định việc bảo mật thông tin thống kê được thực hiện theo quy định của pháp luật.

20. Bổ sung quy định về “Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến, CNTT - Truyền thông và Hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê chính thức”.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ